

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	01 – 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 – 36



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		955.489.627.978	817.971.355.118
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		21.829.112.284	9.079.421.336
1 . Tiền	111	VI.01	21.829.112.284	9.079.421.336
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		761.608.405.927	680.314.564.457
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.02	180.950.108.176	158.543.073.419
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.03	151.542.346.922	124.841.587.245
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	429.003.352.118	396.817.305.082
4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	112.598.711	112.598.711
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	VI.06	168.398.783.532	124.560.798.753
1 . Hàng tồn kho	141		168.398.783.532	124.560.798.753
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		3.653.326.235	4.016.570.572
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.07	2.182.488.509	3.986.220.211
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	VI.08	1.470.837.726	30.350.361
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.270.568.128.052	1.280.266.714.425
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		3.414.903.073	4.464.903.073
1 . Phải thu dài hạn khác	216	VI.04	3.414.903.073	4.464.903.073
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		98.300.615.945	99.595.375.700
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	13.587.178.188	14.755.651.267
- Nguyên giá	222		35.413.534.207	37.250.269.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.826.356.019)	(22.494.618.104)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	84.713.437.757	84.839.724.433
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.483.766.866)	(1.357.480.190)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		937.100.660	937.100.660
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.11	937.100.660	937.100.660
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	VI.12	1.161.535.040.432	1.168.047.465.560
1 . Đầu tư vào công ty con	251		887.256.000.000	887.256.000.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.000.000.000	26.000.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.200.000.000	112.200.000.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.920.959.568)	(4.408.534.440)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		147.000.000.000	147.000.000.000
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		6.380.467.942	7.221.869.432
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.07	6.380.467.942	7.221.869.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.226.057.756.030	2.098.238.069.543

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2025

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.123.696.589.744	1.012.355.101.047
I . Nợ ngắn hạn	310		925.196.589.744	813.555.101.047
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13	25.477.822.383	31.416.434.170
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.14	37.464.696.146	4.634.203.138
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.08	457.149.370	10.244.766.805
4 . Phải trả người lao động	314		3.423.884.426	4.088.829.550
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.15	7.131.669.705	6.555.693.957
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.16	7.483.081.246	7.760.966.044
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.17	843.477.453.453	748.549.274.368
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		280.833.015	304.933.015
II . Nợ dài hạn	330		198.500.000.000	198.800.000.000
1 . Phải trả dài hạn khác	337	VI.16	8.500.000.000	8.800.000.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.17	190.000.000.000	190.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.102.361.166.286	1.085.882.968.496
I . Vốn chủ sở hữu	410	VI.18	1.102.361.166.286	1.085.882.968.496
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	956.538.590.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.665.709.486	107.187.511.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		107.187.511.696	24.457.244.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.478.197.790	82.730.266.997
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.226.057.756.030	2.098.238.069.543

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 07 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		686.266.258.016	696.374.819.918	1.316.990.922.647	1.348.592.204.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.228.764.985	9.620.770.002	32.096.944.350	21.475.552.655
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	663.037.493.031	686.754.049.916	1.284.893.978.297	1.327.116.651.437
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	615.616.955.765	656.131.629.657	1.199.208.262.351	1.264.548.033.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.420.537.266	30.622.420.259	85.685.715.946	62.568.617.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	26.888.749.200	55.611.518.902	41.429.224.118	111.070.776.853
7. Chi phí tài chính	22	V.04	25.277.587.073	18.700.614.554	45.349.451.429	37.862.101.678
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.075.200.317	18.700.614.554	38.822.997.138	37.862.101.678
8. Chi phí bán hàng	25	V.05	29.471.476.450	22.755.686.270	51.311.705.138	54.952.433.291
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	10.576.139.641	11.234.469.058	18.733.585.369	21.901.509.066
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.984.083.302	33.543.169.279	11.720.198.128	58.923.350.737
11. Thu nhập khác	31		3.160.978.977	5.745.424.984	4.832.619.429	6.391.151.276
12. Chi phí khác	32		74.604.200	477.520.453	74.619.767	1.123.466.843
13. Lợi nhuận khác	40	V.07	3.086.374.777	5.267.904.531	4.757.999.662	5.267.684.433
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.070.458.079	38.811.073.810	16.478.197.790	64.191.035.170

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

MÃU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I: Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Ic Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
I': Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.070.458.079	38.811.073.810	16.478.197.790	64.191.035.170

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.478.197.790	64.191.035.170
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.773.362.715	1.872.127.075
- Các khoản dự phòng	03	6.512.425.128	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(42.580.534.968)	(113.165.097.421)
- Chi phí lãi vay	06	38.822.997.138	37.862.101.678
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.006.447.803	(9.239.833.498)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(71.062.973.895)	100.571.936.508
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(43.837.984.779)	91.824.548.113
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	22.207.679.984	(20.897.226.339)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.645.133.192	(1.191.781.890)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.824.862.559)	(38.736.074.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.768.404.951)	(404.706.772)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.100.000)	(196.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(113.659.065.205)	121.730.861.969
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.681.837.564)	(4.220.729.750)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.354.545.454	4.782.323.233
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(77.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.807.869.178	53.267.802.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.480.577.068	(14.170.604.073)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

MẪU B 03-DN**Đơn vị: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	1.315.768.586.301	1.198.295.623.521
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.220.840.407.216)	(1.325.099.640.017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94.928.179.085	(126.804.016.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.749.690.948	(19.243.758.600)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.079.421.336	27.998.841.626
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	21.829.112.284	8.755.083.026

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 07 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 19 ngày 23 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 956.538.590.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại – dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh hoạt động như sau:

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mã số chi nhánh: 0307979603-007

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 07 Công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.	Thương mại – Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	682A Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Thương mại – Dịch vụ	100,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên.	Thương mại – Dịch vụ	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08 Đường Số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	99,00%	99,00%

Số lượng nhân viên của Công ty tại 30/06/2025: 284 người (Tại 31/12/2024: 226 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán của Công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hoá là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ *đảm bảo tính toán để phân bổ giá trị của tài sản trong suốt thời gian sử dụng và không vượt quá mức giá trị gốc của tài sản* số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 – 05 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: phân bổ trong vòng 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn: phân bổ trên 12 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Phân chia lợi nhuận:**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa cũng như quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Lãi từ các khoản tiền gửi, cho vay
- Chênh lệch tỷ giá
- Lãi từ đầu tư vào công cụ tài chính
- Cổ tức từ các khoản đầu tư
- Lãi từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc tài sản tài chính khác.
- Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính mà doanh nghiệp thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải trả liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các khoản vay, bao gồm lãi vay ngân hàng, lãi vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các khoản vay từ bên ngoài khác.
- Chênh lệch tỷ giá
- Chi phí bảo hiểm liên quan đến tài sản, công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng.
- Chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác.
- Chi phí khác liên quan đến tài chính.

Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, tức là khi có sự cam kết hoặc khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các chi phí tài chính phải được ghi nhận dồn tích vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Xác định giá trị hợp lý khi lập Báo cáo tài chính

Công ty không thực hiện xác giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công cụ nợ tài chính.

Thuế

Công ty hạch toán và kê khai phát sinh về thuế theo chứng từ, hoá đơn phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của kỳ hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp đối với từng loại thuế của Công ty được áp dụng theo luật thuế đối với từng loại thuế và Luật quản lý thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được Cơ Quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế tại Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	241.611.918	240.260.676
VND	241.611.918	240.260.676
Tiền gửi ngân hàng	21.587.500.366	8.839.160.660
VND	21.587.500.366	8.839.160.660
Cộng	21.829.112.284	9.079.421.336

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	180.950.108.176	158.543.073.419
Công ty Cổ Phần Easy Car	48.158.287.351	40.801.408.138
Công ty Truyền Tải Điện 4	10.334.000.000	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	122.457.820.825	117.741.665.281
Cộng	180.950.108.176	158.543.073.419

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	151.542.346.922	124.841.587.245
Công ty TNHH Minh Long	131.889.992.678	123.594.379.437
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	19.652.354.244	1.247.207.808
Cộng	151.542.346.922	124.841.587.245

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	429.003.352.118	-	396.817.305.082	-
Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	40.018.740.069	-	21.214.406.153	-
Phải thu từ hợp đồng HTKD cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	-	14.204.590.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.621.354.940	-	-	-
Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	-	137.160.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	93.947.820.280	-	76.671.721.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	425.115.000	-	420.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	6.275.326.800	-	4.319.850.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	126.350.405.029	-	142.826.737.929	-
Phải thu khác dài hạn	3.414.903.073	-	4.464.903.073	-
Ký cược, ký quỹ khác	3.414.903.073	-	4.464.903.073	-
Cộng	432.418.255.191	-	401.282.208.155	-

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Tài sản thiếu chờ xử lý				
Hàng tồn kho tại kho HCM	-	98.612.814	-	98.612.814
Hàng tồn kho tại kho Vũng Tàu	-	13.985.897	-	13.985.897
Cộng		112.598.711		112.598.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng tồn kho				
Công cụ, dụng cụ	112.483.374	-	60.430.129	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.488.839.131	-	5.094.178.576	-
Hàng hoá	163.797.461.027	-	119.406.190.048	-
Cộng	168.398.783.532	-	124.560.798.753	-

Chi tiết hàng hoá tồn kho:

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xe các loại	132.319.277.250		84.663.204.538	
Phụ tùng, phụ kiện	31.478.183.777		34.742.985.510	
Cộng	163.797.461.027	-	119.406.190.048	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.182.488.509	3.986.220.211
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	140.411.229	54.126.111
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.042.077.280	3.932.094.100
Chi phí trả trước dài hạn	6.380.467.942	7.221.869.432
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.887.373.409	1.409.641.414
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.493.094.533	5.812.228.018
Cộng	8.562.956.451	11.208.089.643

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 – DN

8. HUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước						
Thế GTGT	30.350.361	4.049.185.145	129.085.976.662	134.393.912.665	1.470.837.726	181.736.507
Thế GTGT hàng NK	-	-	56.936.321	56.936.321	-	-
Thế xuất, nhập khẩu	-	-	48.264.771	48.264.771	-	-
Thế TNDN	-	5.768.404.951	-	5.768.404.951	-	-
Thế TNCN	-	427.176.709	1.109.668.827	1.261.432.673	-	275.412.863
Lệ phí môn bài	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	30.350.361	10.244.766.805	130.310.846.581	141.538.951.381	1.470.837.726	457.149.370

TUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 – DN

9. ÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NUYÊN GIÁ					
T: ngày 01/01/2025	8.539.688.456	9.997.119.686	17.749.286.436	964.174.793	37.250.269.371
T: ngày 30/06/2025	8.539.688.456	10.420.319.068	15.489.351.890	964.174.793	35.413.534.207
GÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
T: ngày 01/01/2025	8.539.688.456	7.612.120.704	5.560.746.523	782.062.421	22.494.618.104
T: ngày 30/06/2025	8.539.688.456	7.612.120.704	5.560.746.523	782.062.421	22.494.618.104
T: ngày 01/01/2025	-	305.486.433	1.297.164.148	44.425.458	1.647.076.039
T: ngày 30/06/2025	-	305.486.433	1.297.164.148	44.425.458	1.647.076.039
T: ngày 01/01/2025	-	-	2.315.338.124	-	2.315.338.124
T: ngày 30/06/2025	-	-	2.315.338.124	-	2.315.338.124
T: ngày 01/01/2025	-	-	4.542.572.547	826.487.879	21.826.356.019
T: ngày 30/06/2025	-	-	4.542.572.547	826.487.879	21.826.356.019
GÁ TRỊ CÒN LẠI					
T: ngày 01/01/2025	-	2.384.998.982	12.188.539.913	182.112.372	14.755.651.267
T: ngày 30/06/2025	-	2.502.711.931	10.946.779.343	137.686.914	13.587.178.188

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.775.741.705 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
Tại ngày 30/06/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.357.480.190	1.357.480.190
Khấu hao trong kỳ	-	126.286.676	126.286.676
Tại ngày 30/06/2025	-	1.483.766.866	1.483.766.866
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	817.249.810	84.839.724.433
Tại ngày 30/06/2025	84.022.474.623	690.963.134	84.713.437.757

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 706.650.000 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
Chi phí khảo sát công trình trên đất	868.600.660	868.600.660
Cộng	937.100.660	937.100.660

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN*a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Daf Group	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000

Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

ĐỊ TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	887.256.000.000	(10.920.959.568)	887.256.000.000	(4.143.549.102)
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (1)	327.680.000.000	(3.283.420.822)	327.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (2)	90.400.000.000	-	90.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (3)	144.000.000.000	-	144.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (4)	108.000.000.000	(2.187.116.713)	108.000.000.000	-
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu (5)	57.000.000.000	(18.244.394)	57.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (6)	39.000.000.000	(5.432.177.639)	39.000.000.000	(4.143.549.102)
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận (7)	121.176.000.000	-	121.176.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.000.000.000	-	26.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	26.000.000.000	-	26.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	112.200.000.000	-	112.200.000.000	(264.985.338)
Công ty Cổ phần Dasonmotors	112.200.000.000	-	112.200.000.000	(264.985.338)
Cộng	1.025.456.000.000	(10.920.959.568)	1.025.456.000.000	(4.408.534.440)

TUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

ĐỀ TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tổng tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty:

Nơi thành lập và hoạt động		Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Quận Tân Bình, Tp. HCM	Đại lý ô tô	22.200.000	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Đại lý ô tô	6.240.000	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	Đại lý ô tô	14.400.000	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Quận 7, Tp. HCM	Đại lý ô tô	10.800.000	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý ô tô	5.700.000	100,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Huyện Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đại lý ô tô	1.950.000	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Quận 7, Tp. HCM	Đại lý ô tô	11.880.000	99,00%	99,00%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Đại lý ô tô	2.600.000	20,00%	20,00%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Dasonmotors	Quận 7, Tp. HCM	Đại lý ô tô	11.220.000	11,00%	11,00%

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 - DN

ĐỊ TỰ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 26/07/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang là 90,4 tỷ đồng, tương đương 52,00% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 17/01/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ là 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 07/07/2021, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90,00% vốn điều lệ.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/09/2019, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu là 57/ đồng, tương đương 95,00% vốn điều lệ.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401098455 ngày 30/05/2022, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên từ cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 39.000.000.000 đồng, tương đương 39,00% vốn điều lệ. Trong đó:
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,20%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,20%.
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99,00%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) là 60,00%.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317906770 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 11.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 121.176.000.000 đồng, tương đương 99,00% vốn điều lệ.

- Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, ngoại trừ Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu đang trong giai đoạn triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động kinh doanh chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	25.477.822.383	25.477.822.383	31.416.434.170	31.416.434.170
Công ty TNHH Ford Việt Nam	5.493.222.743	5.493.222.743	1.231.473.014	1.231.473.014
Công ty TNHH New City Rental	4.106.560.000	4.106.560.000	1.862.200.000	1.862.200.000
Đối tượng khác	15.878.039.640	15.878.039.640	28.322.761.156	28.322.761.156
Cộng	25.477.822.383	25.477.822.383	31.416.434.170	31.416.434.170

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.464.696.146	4.634.203.138
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	32.550.203.893	-
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	4.914.492.253	4.634.203.138
Cộng	37.464.696.146	4.634.203.138

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.131.669.705	6.555.693.957
Chi phí đào tạo phải trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.199.863.642	1.098.090.869
Chi phí lãi vay	586.860	2.452.281
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.931.219.203	5.455.150.807
Cộng	7.131.669.705	6.555.693.957

Trong đó, chi phí phải trả là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

16. PHẢI TRẢ KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	7.483.081.246	7.760.966.044
Tài sản thừa chờ giải quyết	620.439.676	620.439.676
Kinh phí công đoàn	4.652.400	52.027.960
Bảo hiểm bắt buộc	341.015.635	328.333.710
Chi hộ Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	631.500.000	400.020.425
Phải trả ngắn hạn khác	5.885.473.535	6.360.144.273
Phải trả khác dài hạn	8.500.000.000	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	8.500.000.000	8.800.000.000
Cộng	15.983.081.246	16.560.966.044

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01



TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17/VAY

C/ tiết các khoản vay:

01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025
Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị/ VND
	Số có khả năng trả nợ			
V: ngắn hạn				
(17.01)	748.549.274.368	1.315.768.586.301	1.190.840.407.216	843.477.453.453
	120.884.084.000	226.448.547.000	217.338.516.000	129.994.115.000
(17.02)	10.671.749.000	115.188.919.000	107.920.426.000	17.940.242.000
(17.03)	155.397.190.000	274.324.854.000	253.327.022.000	176.395.022.000
(17.04)	44.307.616.000	37.050.385.000	75.563.925.000	5.794.076.000
(17.05)	43.405.539.867	127.093.899.301	133.017.519.715	37.481.919.453
(17.06)	16.651.671.501	31.757.938.000	26.557.802.501	21.851.807.000
(17.07)	130.000.000.000	134.917.756.000	134.917.756.000	130.000.000.000
(17.08)	-	20.925.968.000	-	20.925.968.000
(17.09)	115.000.000.000	100.000.000.000	115.000.000.000	100.000.000.000
(17.10)	52.231.424.000	193.060.320.000	127.197.440.000	118.094.304.000
(17.11)	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000
<i>V: dài hạn đến hạn trả</i>				
	60.000.000.000			30.000.000.000
V: dài hạn				
	190.000.000.000	-	30.000.000.000	190.000.000.000
(17.12)	250.000.000.000	-	30.000.000.000	220.000.000.000
<i>V: dài hạn đến hạn trả</i>				
	(60.000.000.000)			(30.000.000.000)
Cộng	938.549.274.368	1.315.768.586.301	1.220.840.407.216	1.033.477.453.453



TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VÀ (Tiếp theo)

(171) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0246/KHĐN/25/HMCV ngày 04/06/2025 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 0246/KHĐN/25/HĐBĐ ngày 29/5/2025.

(172) Ngân hàng TMCP Quân Đội:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 228839.24.103.2711499.TD ngày 19/07/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn dư trị hạn mức đến 10/07/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô Ford m100%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: ký quỹ tại MB, tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, phương tiện vật tải, hàng hóa là lô xe hình thành từ phương án MB tài trợ và/hoặc hàng hóa là lô xe ô tô Ford hiện hữu thuộc sở hữu của công ty, quyền đòi nợ.

(173) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

(174) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2025/HHDM/CMB-CITYAUTO ngày 05/02/2025 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh và phát hành LC bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(175) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng cấp tín dụng số 441/2024/0053/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 20/08/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe demo thời hạn không quá 5 năm và xe ô tô nhãn hiệu Ford được hình thành từ vốn vay và được phân phối bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam.

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

VN (Tiếp theo)

(176) Ngân hàng TMCP Bảo Việt:

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 17/07/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khun vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVB003 ngày 17/07/2024.
- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

(177) Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH:

Vàngán hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/05/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khun vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(178) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Vàngán hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% và các biện pháp khác theo thỏa thuận với SeBank.

(179) Ngân hàng First Commercial Bank:

Vàngán hạn từ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30240280 ngày 16/04/2025 với hạn mức vay là 10 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động.
- Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.



TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V/A (Tiếp theo)

(110) Ngân hàng TMCP Á Châu:

Vàngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.2333.020724 ngày 17/07/2024 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: tài trợ đại lý nhà phân phối Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng là Lô xe ô tô Ford mới 100% là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, chờ hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 250 tỷ đồng.

Vàngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.3382.271124 ngày 26/12/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 17/07/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi; chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 375 tỷ đồng.

(111) Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

Vàngắn hạn từ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. theo thỏa thuận tín dụng số 6700114110016 ngày 13/03/2025 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 01 năm; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6700114110016-G ngày 13/03/2025 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

(112) Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Vadài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTĐ/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 0 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL23 ngày 25/07/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HDBĐ/TTKHDNL M2 ngày 15/11/2023.

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09 – DN

18/ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tỷ lệ đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
T: ngày 01/01/2024	893.964.630.000	19.004.385.000	3.152.481.800	87.031.204.699	1.003.152.701.499
Lãi trong kỳ	-	-	-	64.191.035.170	64.191.035.170
Gim khác	-	-	-	(4.151.076.876)	(4.151.076.876)
T: ngày 30/06/2024	893.964.630.000	19.004.385.000	3.152.481.800	147.071.162.993	1.063.192.659.793
T: ngày 01/01/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	107.187.511.696	1.085.882.968.496
Lãi trong kỳ	-	-	-	16.478.197.790	16.478.197.790
T: ngày 30/06/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	123.665.709.486	1.102.361.166.286

Cphiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Sứợng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	89.396.463
Sứợng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	89.396.463
Cphiếu phỏ thông	95.653.859	89.396.463
Sứợng cổ phiếu được mua lại	-	-
Sứợng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	89.396.463
Cphiếu phỏ thông	95.653.859	89.396.463
Mh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2025	01/01/2025	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813	Không thu hồi được
Cộng	5.356.110.813	5.356.110.813	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	645.596.136.979	658.319.996.231
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.949.483.212	38.054.823.687
Cộng	686.266.258.016	696.374.819.918
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	23.210.583.167	9.620.770.002
Cộng	23.228.764.985	9.620.770.002
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	663.037.493.031	686.754.049.916

Trong đó, doanh thu từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán xe	617.846.032.328	645.903.039.352
Doanh thu bán phụ tùng	4.597.456.651	2.796.186.877
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.686.350.459	37.173.320.579
Doanh thu khác	907.653.593	881.503.108
Cộng	663.037.493.031	686.754.049.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã bán - Xe	588.504.288.062	632.815.500.822
Giá vốn hàng hoá đã bán - Phụ tùng	3.081.573.441	1.966.346.860
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	24.031.094.262	21.349.781.975
Cộng	615.616.955.765	656.131.629.657

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.020.818.549	429.254.127
Lãi từ các khoản ký quỹ	15.246.575.711	7.982.464.775
Lãi bán các khoản đầu tư	-	17.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.621.354.940	29.599.800.000
Cộng	26.888.749.200	55.611.518.902

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Lãi vay, lãi trái phiếu	21.075.200.317	18.700.614.554
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.202.386.756	-
Cộng	25.277.587.073	18.700.614.554

Trong đó, chi phí tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.093.735.665	10.609.316.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.024.532	786.416.569
Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	14.545.768.869	8.024.729.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.351.353.653	2.777.835.724
Chi phí bằng tiền khác	735.593.731	557.388.889
Cộng	29.471.476.450	22.755.686.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.704.382.257	3.312.528.082
Chi phí vật liệu quản lý	1.015.605.694	364.199.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.044.697	102.267.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.135.628.536	6.886.334.587
Chi phí bằng tiền khác	612.478.457	569.139.117
Cộng	10.576.139.641	11.234.469.058

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	540.236.341	989.536.093
Hỗ trợ từ Ford Việt Nam	1.953.790.000	4.617.030.773
Thu nhập khác	666.952.636	138.858.118
Cộng	3.160.978.977	5.745.424.984
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	74.601.404	477.515.242
Chi phí khác	2.796	5.211
Cộng	74.604.200	477.520.453
Lợi nhuận từ hoạt động khác	3.086.374.777	5.267.904.531

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
	VND	VND
Chi phí theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	615.837.745.934	656.131.629.657
Chi phí nhân công	16.798.045.922	13.921.844.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	853.069.229	888.684.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.513.894.884	9.664.170.311
Chi phí bằng tiền khác	14.282.282.099	9.515.456.681
Cộng	655.285.038.068	690.121.784.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **MẪU B 09 – DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Quang Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Ân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Phú	Kế toán trưởng
Bên liên quan là các pháp nhân	
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Chung thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
	VND	Phải thu / (Phải trả) VND
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.582.253.673	
Mua hàng, nhận dịch vụ	12.287.959.090	
Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.145.960.001
Phải thu khác ngắn hạn		4.814.872.435

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả) VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	28.038.420	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.671.997
Phải trả người bán ngắn hạn		(120.000)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(31.080.939)
Các khoản phải trả dài hạn khác		(8.500.000.000)
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	153.641.573	
Mua hàng, nhận dịch vụ	6.816.797.985	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.583.219.621
Phải thu khác ngắn hạn		5.499.655.214
Phải trả người bán ngắn hạn		(2.413.162.375)
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		300.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	100.524.008.977	
Mua hàng, nhận dịch vụ	93.940.198.411	
Lãi cho vay	99.178.081	
Cổ tức được chia	4.212.280.880	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.355.702.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn		14.785.060.712
Phải thu khác ngắn hạn		24.871.279.733
Phải trả người bán ngắn hạn		(602.796.346)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		(53.180.000)
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	106.525.528.279	
Mua hàng, nhận dịch vụ	3.918.943.229	
Cổ tức được chia	6.409.074.060	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		5.432.525.519
Phải thu khác ngắn hạn		9.937.423.560
Phải trả người bán ngắn hạn		(2.472.698.700)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(1.738.111.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả) VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	72.250.637.448	
Mua hàng, nhận dịch vụ	65.059.514.704	
Lãi cho vay	228.296.716	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		8.848.801.283
Phải thu khác ngắn hạn		3.695.427.402
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.000.122.946)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(29.865.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	54.703.043.832	
Mua hàng, nhận dịch vụ	86.020.638.184	
Lãi cho vay	813.129.983	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		126.104.756
Trả trước cho người bán ngắn hạn		665.458.604
Phải thu khác ngắn hạn		1.532.129.983
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.785.045.835)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		(32.550.203.893)
Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng		
Ông Trần Ngọc Dân	120.000.000	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	23.225.806	
Ông Trần Quang Trí	383.965.000	
Ông Phan Hoàng Sơn	30.000.000	
Ông Trần Lâm	453.870.000	
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	18.000.000	
Bà Đỗ Thị Như Duyên	18.000.000	
Bà Trần Thị Ân	18.000.000	

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

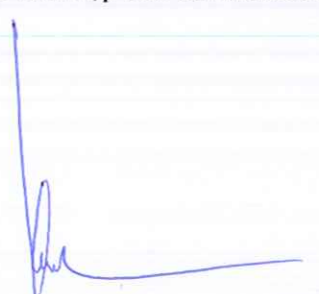
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Chủ sở hữu, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân



Kế toán trưởng
Lê Thị Phú



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 07 năm 2025